



LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023 - 2024

Bậc đào tạo: TRUNG CẤP - KHÓA 2021 (T4)

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	21T4-CNÔ1	0714002071	1	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60	07H30 và 10H00 tùy nhóm	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	21T4-VSL1	0714002071	2	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
3	21T4-ĐĐT1	0714002071	3	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
4	21T4-ĐCN1	0714002071	4	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
5	21T4-LTM2	0714002071	5	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
6	21T4-TKĐ2	0714002071	6	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
7	21T4-DHĐ1	0714002071	7	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
8	21T4-THU1	0714002071	8	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
9	21T4-NHQ1	0714002071	9	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
10	21T4-CNÔ2	0714002071	10	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
11	21T4-KML1	0714002071	11	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
12	21T4-QKS1	0714002071	12	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
13	21T4-KTD1	0714002071	13	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
14	21T4-QNH1	0714002071	14	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
15	21T4-TMD1	0714002071	15	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
16	21T4-CCK1	0714002071	16	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
17	21T4-NTN1	0714002071		38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	
1	21T4-TKĐ1	0714002071	1	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60	13H00 và 15H30 tùy nhóm	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	21T4-TCD1	0714002071	2	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	21T4-LGT1	0714002071	3	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	21T4-ANM1	0714002071	4	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	21T4-TKW1	0714002071	5	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	21T4-CMT1	0714002071	6	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	21T4-CNM1	0714002071	7	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	21T4-CĐT1	0714002071	8	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
9	21T4-KXD1	0714002071	9	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
10	21T4-LTM1	0714002071	10	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
11	21T4-KLB1	0714002071	11	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
12	21T4-CKC1	0714002071	12	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
13	21T4-CNÔ3	0714002071	13	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
14	21T4-QDL1	0714002071	14	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
15	21T4-QLH1	0714002071	15	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
16	21T4-CTM1	0714002071	16	38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
17	21T4-QTD1	0714002071		38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	
18	21T4-TĐH1	0714002071		38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	
19	21T4-QTM1	0714002071		38	Tiếng Anh 1	7	11/11/2023	60		Trắc nghiệm trên giấy	

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCL